

PHỤ LỤC III

BẢNG GIÁ ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP

*(Ban hành kèm Nghị quyết số /2025/NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Tây Ninh)*

STT	TÊN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	TUYẾN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT (đồng/m ²)
I	Phường Khánh Hậu		
1	Cụm công nghiệp Lợi Bình Nhơn	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
		Đường Phan Văn Tuấn (đường vành đai thành phố Tân An)	2.000.000
2	Cụm công nghiệp Tú Phương	Đường Nguyễn Văn Quá	1.455.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
II	Xã Mỹ Hạnh		
1	KCN Đức Hòa 1 (giai đoạn 1 và mở rộng)	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	Cụm công nghiệp Đức Hòa Đông (chính trang)	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
3	Cụm công nghiệp Hoàng Gia	Đường tỉnh 824	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
4	Cụm công nghiệp Hải Sơn Đức Hòa Đông	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
5	Khu công nghiệp Nam Thuận	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
		ĐT 823D	1.455.000
6	Cụm công nghiệp Tây Bắc - Đức Hòa Đông	Các tuyến đường nội bộ	1.300.000
III	Xã Đức Hòa		
1	KCN Tân Đô	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	KCN Tân Đức (giai đoạn 1 và 2)	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
3	KCN Hải Sơn	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
4	Cụm công nghiệp Nhựa Đức Hòa	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
5	Cụm công nghiệp Đức Hòa Hạ	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
6	Cụm công nghiệp Liên Minh	Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
7	Cụm công nghiệp Liên Hưng	Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
8	KCN Hựu Thạnh	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000

STT	TÊN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	TUYẾN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT (đồng/m ²)
IV	Xã Đức Lập		
1	KCN Xuyên Á	ĐT 824	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ còn lại	1.323.000
2	Các KCN thành phần thuộc KCN Đức Hòa 3	Quốc lộ N2	1.900.000
		ĐT.823B	1.455.000
		Các tuyến đường nội bộ còn lại	1.323.000
4	Cụm Công nghiệp Đức Thuận	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
		ĐT 823B	1.455.000
V	Xã Hòa Khánh		
1	Cụm Công nghiệp Đức Mỹ	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	Cụm công nghiệp Sao Vàng	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
VI	Xã Hiệp Hòa		
1	KCN DNN Tân Phú (giai đoạn 1)	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
2	Cụm công nghiệp Hiệp Hòa	ĐT 822	1.455.000
		Đường nội bộ Cụm công nghiệp Hiệp Hòa	1.323.000
VII	Xã An Ninh		
1	KCN Lộc Giang	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
VIII	Xã Hậu Nghĩa		
1	Cụm công nghiệp Tân Mỹ	Đường cặp kênh Thầy Cai	1.170.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.080.000
IX	Xã Mỹ Yên		
1	KCN Vĩnh Lộc 2	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	KCN Phúc Long	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
X	Xã Bình Đức		
1	KCN Nhứt Chánh	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	Cụm công nghiệp Nhứt Chánh 2	Đường tỉnh 832	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
XI	Xã Bến Lức		
1	KCN Phú An Thạnh (giai đoạn 1)	Các tuyến đường nội bộ	1.257.000
2	KCN Thuận Đạo	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
XII	Xã Thạnh Lợi		
1	KCN Thịnh Phát	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
2	Cụm công nghiệp Quốc Quang	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
3	Cụm công nghiệp Hiệp Thành	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000

STT	TÊN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	TUYẾN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT (đồng/m ²)
XIII	Xã Thủ Thừa		
1	KCN Hòa Bình	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
2	Khu công nghiệp Thủ Thừa	Các tuyến đường nội bộ	1.173.000
XIV	Xã Tân Long		
1	KCN SUNTEC	Quốc lộ N2	1.900.000
		Các tuyến đường nội bộ còn lại	1.191.000
XV	Xã Tân Tập		
1	Khu công nghiệp Đông Nam Á (giai đoạn 1)	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
		ĐT 830	1.900.000
2	Khu Công nghiệp Đông Nam Á (giai đoạn 2)	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
3	Cụm công nghiệp Phước Vĩnh Đông số 1	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
4	Cụm công nghiệp Phước Vĩnh Đông số 2	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
5	Cụm công nghiệp Phước Vĩnh Đông số 3	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
6	Cụm công nghiệp Phước Vĩnh Đông số 4	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
7	Cụm công nghiệp Tân Tập	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
8	Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp Đông Nam Á giai đoạn 2 (209ha)	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
XVI	Xã Phước Lý		
1	Cụm công nghiệp Hải Sơn Long Thượng	Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
2	Cụm công nghiệp Phát Hải	Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
XVII	Xã Cần Giuộc		
1	KCN Tân Kim mở rộng	Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
2	Khu công nghiệp Tân Kim	Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
		Tiếp giáp Quốc lộ 50	2.100.000
3	KCN Long Hậu	Đường Long Hậu - Hiệp Phước	2.100.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
4	KCN Long Hậu mở rộng	Đường Long Hậu - Hiệp Phước	2.100.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.455.000

STT	TÊN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	TUYẾN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT (đồng/m ²)
5	KCN Long Hậu 3 (giai đoạn 1)	Đường Long Hậu - Hiệp Phước	2.100.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.455.000
XVIII	Xã Long Cang		
1	KCN Thuận Đạo mở rộng	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	Cụm Công nghiệp Hoàng Long - Long Cang	Đường tỉnh 830B	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
3	Cụm Công nghiệp Kiến Thành	Đường tỉnh 830B	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
4	Cụm công nghiệp Long Cang 1	Đường tỉnh 830B	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
5	Cụm công nghiệp ANOVA GROUP	Đường tỉnh 830B	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
6	Cụm công nghiệp Long Cang 2	Đường tỉnh 830B	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
7	Cụm công nghiệp Long Cang 3	Đường tỉnh 830B	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
XIX	Xã Tân Lâm		
1	KCN Cầu cảng Phước Đông	Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
XX	Xã Mỹ Lệ		
1	Cụm công nghiệp Thiên Lộc Thành	Các tuyến đường nội bộ	1.030.000
2	Cụm công nghiệp Savi	Các tuyến đường nội bộ	1.030.000
3	Cụm công nghiệp Nam Nam Thiên	Các tuyến đường nội bộ	1.030.000
XXI	Xã Rạch Kiến		
1	KCN Cầu Tràm	Đường tỉnh 826	1.900.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
XXII	Xã Tân Thạnh		
1	Cụm công nghiệp Vinh Khang	Các tuyến đường nội bộ	520.000
		ĐT 829	824.000
XXIII	Xã Nhứt Tảo		
1	KCN An Nhứt Tân	Đường tỉnh 832	2.000.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.323.000
2	Cụm công nghiệp An Long	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000

STT	TÊN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	TUYẾN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT (đồng/m ²)
3	Cụm công nghiệp Tân Đồng Tiến	Các tuyến đường nội bộ	1.191.000
XXIV	Xã Đông Thành, Xã Mỹ Quý		
	Khu công nghiệp quốc tế Trường Hải	Các tuyến đường nội bộ	437.000
XXV	Xã Đức Huệ		
1	Khu công nghiệp Bình Hòa Nam 1	Các tuyến đường nội bộ	437.000
XXVI	Phường Ninh Thạnh		
1	KCN Chà Là	Các tuyến đường nội bộ	661.000
XXVII	Phường An Tịnh		
1	KCN Linh Trung	Suối Sâu – An Đức	1.414.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.285.000
2	KCN Trảng Bàng	Quốc lộ 22	1.928.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.285.000
XXVIII	Xã Hưng Thuận, Xã Truong Mít, Phường Gia Lộc, Phường An Tịnh		
1	KCN Phước Đông	Đường ĐT 782	1.571.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.047.000
XXIX	Phường Trảng Bàng		
1	KCN Thành Thành Công	Tỉnh lộ 6	1.571.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.047.000
XXX	Xã Bến Cầu		
1	KCN TMTC	Các tuyến đường nội bộ	661.000
XXXI	Xã Phước Thạnh		
1	KCN Hiệp Thạnh giai đoạn 1	Đường ĐT 782B	1.571.000
		Các tuyến đường nội bộ	1.047.000
XXXII	Xã Tân Hội		
1	CCN Tân Hội 1,2	Các tuyến đường nội bộ	453.000
XXXIII	Xã Tân Phú		
1	CCN Tân Phú	Các tuyến đường nội bộ	453.000
XXXIV	Phường Hòa Thành		

STT	TÊN KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP	TUYẾN ĐƯỜNG	GIÁ ĐẤT (đồng/m ²)
1	CCN Bến Kéo	Nguyễn Văn Cừ	807.000
		Các tuyến đường nội bộ	734.000
XXXV	Xã Trà Vong		
1	CCN Thanh Thanh Xuân 1	Đường ĐT 781B	414.000
		Các tuyến đường nội bộ	376.000
XXXVI	Xã Ninh Điền		
1	CCN Ninh Điền	Các tuyến đường nội bộ	453.000
2	CCN Thành Long	Các tuyến đường nội bộ	453.000
XXXVII	Xã Hòa Hội		
1	CCN Hòa Hội	Đường DH23	498.000
		Các tuyến đường nội bộ	453.000